TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 155/2023/DS-PT
Ngày: 25-8-2023
V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản, hợp đồng vay tài sản và hợp đồng mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Tăng Thị Thúy Nga.

Các Thẩm phán: Ông Phạm Thanh Tùng.

Ông Nguyễn Vĩnh Khương.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Võ Anh Thảo – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân nhân tỉnh Sóc Trăng: Bà Nguyễn Thị Như Huỳnh – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 18 và ngày 25 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 115/2023/TLPT-DS ngày 06 tháng 7 năm 2023, về *"Tranh chấp hợp đồng góp hụi, yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản, hợp đồng vay tài sản và hợp đồng mua bán tài sản".*

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 56/2023/DS-ST, ngày 23 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 147/2023/QĐ-PT ngày 19 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị T, sinh năm 1978. Địa chỉ: Ấp Hậu B, xã Đại H, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- *Người đại diện hợp pháp của bà Phạm Thị T:* Ông Nguyễn Minh H, sinh năm 1975. Địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (Theo văn bản ủy quyền ngày 09/8/2022) (có mặt)

- *Bị đơn:*

+ Ông Lê Hữu P, sinh năm 1970. Địa chỉ: Ấp Hậu B, xã Đại H, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

+ Bà Trần Thị Mỹ T1, sinh năm 1975. Địa chỉ: Ấp Hậu B, xã Đại H, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Lê Hữu P và bà Trần Thị Mỹ T1:* Ông Phạm Hoài T, sinh năm 1957. Địa chỉ: Trung tâm tư vấn Pháp luật - Hội Luật gia thành phố N, tỉnh Hậu Giang - đường H, khu vực B, phường N, thành phố N, tỉnh Hậu Giang. (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Lê Văn U, sinh năm 1977. Địa chỉ: Ấp Hậu B, xã Đại H, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- *Người đại diện hợp pháp của ông Lê Văn U:* Bà Phạm Thị T, sinh năm 1978. Địa chỉ: Ấp Hậu B, xã Đại H, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. (Theo văn bản ủy quyền ngày 28/11/2022) (có mặt)

- *Người làm chứng:*

1. Bà Tô Thị H, sinh năm 1925. Địa chỉ: Ấp Hậu B, xã Đại H, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

2. Bà Lê Thị H1, sinh năm 1972. Địa chỉ: Ấp Hậu B, xã Đại H, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

3. Bà Lê Thị A. Địa chỉ: Ấp 5B, xã Ba Trinh, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

4. Ông Phạm Văn T2, sinh năm 1957. Địa chỉ: Ấp Hậu B, xã Đại H, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- *Người kháng cáo:* Bà Phạm Thị T là nguyên đơn, ông Lê Văn U là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/10/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị T (do ông Nguyễn Minh H đại diện hợp pháp) trình bày:* Trước đây bà T và chồng là ông U có vay 850.000.000 đồng của Ngân hàng Thương mại cổ phần Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ. Do đến hạn vợ chồng bà T không có tiền trả nợ cho ngân hàng, nên anh của ông U là ông P và vợ là bà T đứng ra trả số nợ này cho vợ chồng bà T, chỉ trả tiền vốn 850.000.000 đồng còn tiền lãi thì được ngân hàng miễn. Ngày 19/3/2021, ông P nói với ông U là số tiền ông P bỏ ra trả nợ ngân hàng cho vợ chồng bà T lớn như vậy, để làm tin với vợ chồng ông P thì ông U phải lập giấy tay bán cho ông P 02 thửa đất số 123 và 124, ông P còn nói với vợ chồng bà T "*Vợ chồng chú thiếu nợ nhiều, nếu vợ chồng chú đứng ra bán phần đất này người ta sẽ ép giá, vợ chồng chú ký giấy này để tôi đứng ra bán cho có giá để vợ chồng chú trả nợ*". Vì tin tưởng ông P là anh em ruột thịt nên ông U mới ký giấy tay mua bán với ông P để làm tin như lời ông P nói với vợ chồng bà T.

Sau khi ký giấy mua bán, vào ngày 19-20/6/2021 khi ông U đang đi làm ở Vĩnh Long thì ông P cho người vào đốn cam trong vườn của bà T, bà T có trình báo sự việc đến Công an xã Đại H nhưng ông P vẫn cho người đốn tổng cộng 821 cây cam trong vườn của bà T.

Sau đó, vợ chồng bà T có làm đơn tố cáo ông P về hành vi hủy hoại tài sản của bà T. Ngày 14/4/2022, Công an huyện Kế Sách ra thông báo không khởi tố vụ án hình sự về hành vi hủy hoại tài sản. Vợ chồng bà T khiếu nại đến Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách. Ngày 09/5/2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách ra quyết định giữ nguyên thông báo của Công an huyện Kế Sách. Vợ chồng bà T tiếp tục khiếu nại đến Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng. Ngày 30/6/2022, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng ra thông báo trả lời vợ chồng bà T là hết thời hạn khiếu nại theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Do Công an và Viện kiểm sát không khởi tố vụ án hình sự nên bà T khởi kiện dân sự như sau: Ngày 19/3/2021, ông U và ông P chỉ mới lập giấy tay mua bán chứ chưa có hợp đồng chính thức tại phòng công chứng hoặc chứng thực của UBND xã, phường, thị trấn nên giấy mua bán này chưa phát sinh hiệu lực. Việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông U và ông P chỉ phát sinh hiệu lực khi đã công chứng hoặc chứng thực theo quy định tại Điều 5 Luật Công chứng năm 2014. Như vậy, tại thời điểm ông P đốn cam trong vườn của bà T thì đất đai và tài sản có trên đất đang còn thuộc quyền sở hữu của bà T. Vợ chồng bà T không có văn bản nào thỏa thuận đồng ý cho ông P đốn cam trong vườn của bà T trước khi hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được chính thức ký kết tại phòng công chứng hoặc chứng thực của UBND xã, phường, thị trấn. Do đó, việc ông P cho người tự ý vào đốn 821 cây cam trong vườn của bà T là trái pháp luật, nên ông P phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho vợ chồng bà T. Tổng thiệt hại 821 cây cam mà ông P đốn trong vườn của bà T theo Kết luận định giá số: 48/KL ngày 28/7/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Kế Sách là 143.675.000 đồng.

Ngoài ra, vợ chồng bà T có tham gia chơi 02 dây hụi do vợ chồng ông P làm chủ hụi gồm: Dây hụi mùa 5.000.000 đồng, khui ngày 30/01/2019, mỗi năm đóng 03 lần, vợ chồng bà T đóng được 07 lần = 35.000.000 đồng; Dây hụi mùa 5.000.000 đồng, khui ngày 30/4/2019, mỗi năm đóng 03 lần, vợ chồng bà T đóng được 08 lần = 40.000.000 đồng; tổng cộng, vợ chồng bà T đóng được 15 lần = 75.000.000 đồng. Sau đó, ông P không cho vợ chồng bà T hốt hụi và tham gia chơi hụi nữa mà không nói lý do. Tại biên bản hòa giải ngày 13/6/2022, ông P cũng thừa nhận có nợ tiền hụi vợ chồng bà T 15 lần.

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/10/2022, bà T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông P và bà T trả cho bà T tổng số tiền là 218.675.000 đồng, không có yêu cầu tính lãi (Trong đó: Tiền bồi thường thiệt hại 821 cây cam bị đốn là 143.675.000 đồng; Tiền hụi là 75.000.000 đồng).

Đối với yêu cầu phản tố của ông P và bà T thì bà T chỉ thừa nhận có nợ ông P và bà T 02 chỉ vàng 24K và 1.000.000 đồng, hiện nay vợ chồng bà T cũng đồng

ý trả cho ông P và 02 khoản nợ này. Đối với các khoản nợ còn lại thì bà T không thừa nhận và không đồng ý trả.

** Theo đơn phản tố đề ngày 08/12/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, các bị đơn ông Lê Hữu P và bà Trần Thị Mỹ T1 trình bày:* Bà T và ông U có nợ ông P và bà T các khoản sau:

Dây hụi vàng 02 chỉ vàng 24K, mở ngày 09/8/2013 âm lịch, hiện nay hụi đã mãn, có 12 phần, bà T và ông U tham gia 01 phần và đã hốt hụi vào ngày 09/3/2017, ông P và bà T đã giao đủ vàng hụi cho bà T và ông U. Sau đó, bà T và ông U đóng lại hụi chết được 11 lần, còn lại 01 lần hụi chết đến nay chưa đóng với số vàng là 02 chỉ vàng 24K (ước tính 5.100.000 đồng/01 chỉ).

Dây hụi mùa 5.000.000 đồng, 04 tháng khui 01 lần, mở ngày 08/7/2014 âm lịch, đã mãn ngày 08/7/2018 âm lịch, có 13 phần, bà T và ông U tham gia 01 phần, đóng được đến lần thứ 04 (ngày 08/7/2015 âm lịch) thì hốt hụi với số tiền là 39.100.000 đồng (trừ đầu thảo), ông P và bà T đã giao đủ tiền hụi cho bà T và ông U. Sau đó, bà T và ông U đóng lại hụi chết được 10 lần, còn lại 03 lần hụi chết đến nay chưa đóng với số tiền là 15.000.000 đồng.

Ngày 08/10/2013, ông U và bà T có vay mượn của ông P và bà T 01 chỉ vàng 24K (ước tính 5.100.000 đồng/01 chỉ) đến nay chưa trả.

Ngày 09/8/2016, ông U và bà T có vay mượn của ông P và bà T số tiền là 1.000.000 đồng đến nay chưa trả.

Ngày 22/01/2021, ông U và bà T có vay mượn của ông P và bà T số tiền là 2.000.000 đồng để làm chi phí trả tiền ngân hàng đến nay chưa trả.

Ngày 09/7/2016, ông U và bà T có mua của ông P và bà T 08 con heo giống trị giá là 5.700.000 đồng đến nay chưa trả.

Theo đơn phản tố đề ngày 08/12/2022, ông P và bà T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông U và bà T trả cho ông P và bà T tổng số tiền là 39.000.000 đồng, không có yêu cầu tính lãi (Trong đó: Tiền hụi là 02 chỉ vàng 24K ước tính là 10.200.000 đồng và 15.000.000 đồng; Tiền vay mượn là 01 chỉ vàng 24K ước tính là 5.100.000 đồng, 1.000.000 đồng và 2.000.000 đồng; Tiền mua 08 con heo giống là 5.700.000 đồng). Đồng thời, ông P và bà T yêu cầu được bù trừ, khấu trừ đối với phần đơn khởi kiện nếu được Tòa án chấp nhận.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà T thì ông P và bà T không đồng ý bồi thường thiệt hại 821 cây cam với số tiền là 143.675.000 đồng, vì việc ông P và bà T đốn cam là do vào ngày 19/3/2021 ông U đã chuyển nhượng toàn bộ diện tích các thửa đất số 123, 124 cho ông P và ông P đã giao đủ số tiền như thỏa thuận trong biên bản sang đất. Sau đó, ông P và ông U có bàn bạc và được sự đồng ý của ông U cho ông P đốn cam để cải tạo lại đất và đất đã chuyển nhượng cho ông P thì ông P có quyền khai phá cải tạo, bà T tố giác ông P và bà T đến cơ quan công an nhưng cơ quan công an không ra quyết định khởi tố chứng tỏ ông P và bà T không vi phạm pháp luật. Do đó, việc bà T đòi bồi thường là vô lý, không có căn cứ, về mặt chủ quan việc đốn cây là sự ngay tình và không trái pháp luật, bởi

ông U và bà T đã chuyển nhượng đất cho ông P và bà T, tuy việc chuyển nhượng đất được xem là vô hiệu nhưng về ý thức ông U và bà T đã chuyển nhượng đất cho ông P và bà T.

Dây hụi mùa 5.000.000 đồng, 04 tháng khui 01 lần, mở ngày 30/12/2018 âm lịch, dự kiến mãn ngày 30/4/2024 âm lịch, có 16 phần, bà T và ông U tham gia 01 phần và đóng hụi sống được 08 lần với số tiền là 22.850.000 đồng. Dây hụi mùa 5.000.000 đồng, 04 tháng khui 01 lần, mở ngày 30/4/2019 âm lịch, dự kiến mãn ngày 30/4/2024 âm lịch, có 15 phần, bà T và ông U tham gia 01 phần và đóng hụi sống được 07 lần với số tiền là 21.700.000 đồng. Ông P và bà T thừa nhận có nợ bà T và ông U 15 phần của 02 dây hụi này với tổng số tiền hụi đã đóng là 44.550.000 đồng. Hiện nay, hụi vẫn còn sống, đang hoạt động và vận hành chưa phải hụi chết, khi hụi chưa kết thúc thì bà T và ông U ngưng không đồng ý tiếp tục chơi hụi nữa mà đòi lại tiền chứng tỏ bà T và ông U có lỗi, nếu bà T và ông U ngưng lại không đóng hụi thì ông P và bà T đồng ý trả lại tiền hụi vốn đã đóng không tính lãi với số tiền là 44.550.000 đồng.

** Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn U (do bà Phạm Thị T đại diện hợp pháp) trình bày:* Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T là đúng sự thật, nên ông U thống nhất. Ông U ủy quyền cho bà T tham gia tất cả các giai đoạn tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm, nên ông U đề nghị Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm không triệu tập ông U tham gia tố tụng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện của bà Phạm Thị T thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của bà T về tiền hụi, theo đó bà T chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông P và bà T trả cho bà T số tiền hụi là 70.000.000 đồng; ông Lê Hữu P và bà Trần Thị Mỹ T1 rút lại một phần yêu cầu phản tố về việc yêu cầu bà T và ông U trả số vàng vay mượn là 01 chỉ vàng 24K; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Lê Hữu P và bà Trần Thị Mỹ T1 trình bày tranh luận cho rằng ông Lê Văn U có ký tên chuyển nhượng đất cho ông P, phía bà T cho rằng bị lừa dối nhưng không có chứng cứ gì để chứng minh. Phía ông P đã bỏ ra số tiền 850.000.000 đồng để nhận chuyển nhượng đất thì không có gì là lừa dối, nếu có thì phía bà T mới là người lừa dối. Các bản án sơ, phúc thẩm cũng nhận định hợp đồng chuyển nhượng đất vô hiệu do không thực hiện đúng quy định của pháp luật, chứ không phải do bị lừa dối. Cơ quan điều tra đã không khởi tố vụ án hình sự tức là phía ông P không có lỗi. Về tiền hụi, tại phiên tòa phía ông P cũng đồng ý cho phía bà T tiếp tục chơi hụi nhưng phía bà T không đồng ý, nếu phía ông P phải trả tiền hụi cho phía bà T thì chỉ trả tiền hụi vốn đã đóng và cùng lắm là thêm tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất 10%/năm. Đối với yêu cầu phản tố, phía bà T đã thừa nhận có nợ phía ông P 02 chỉ vàng 24K và 1.000.000 đồng, còn về số tiền mua 08 con heo giống là 5.700.000 đồng và số tiền hụi là 15.000.000 đồng thì người làm chứng bà Hằng xác nhận là có thấy bà T mua heo và có thấy bà T đi tìm bà T lấy tiền hụi nhưng sau đó nghe bà T nói lại là không lấy được, nhưng tại phiên tòa bà T lại cho rằng

không có. Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà T về việc yêu cầu ông P và bà T bồi thường thiệt hại 821 cây cam bị đốn với số tiền là 143.675.000 đồng; chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà T về việc yêu cầu ông P và bà T có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền hụi còn nợ nhưng xem xét cho ông P và bà T trả tiền hụi vốn đã đóng cùng tiền lãi phát sinh với mức lãi suất 10%/năm theo quy định của BLDS; chấp nhận việc ông P và bà T rút lại một phần yêu cầu phản tố về việc yêu cầu bà T và ông U trả số vàng vay mượn là 01 chỉ vàng 24K; chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông P và bà T về việc yêu cầu bà T và ông U có nghĩa vụ trả cho ông P và bà T số vàng hụi là 02 chỉ vàng 24K, số tiền vay mượn là 1.000.000 đồng, số tiền hụi là 15.000.000 đồng, số tiền vay mượn là 2.000.000 đồng và số tiền mua 08 con heo giống là 5.700.000 đồng.

Sự việc được Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 56/2023/DS-ST, ngày 25 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định:

Căn cứ vào các khoản 3, 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 147, Điều 157, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 290, 298, 428, 438, 471, 474, 479 Bộ luật Dân sự năm 2005; các Điều 280, 288, 357, 430, 440, 463, 466, 468, 471, 584, 589, khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, các khoản 1, 4, 5 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; các Điều 29, 30 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường; các Điều 23, 24, 27 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường; khoản 3 Điều 2 Nghị quyết 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Dân sự về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T về việc yêu cầu ông Lê Hữu P và bà Trần Thị Mỹ T1 trả số tiền hụi còn nợ.

1.1. Buộc ông Lê Hữu P và bà Trần Thị Mỹ T1 phải cùng có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị T số tiền hụi là 70.000.000 đồng *(Bảy mươi triệu đồng)*.

1.2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Phạm Thị T đối với số tiền phải trả nêu trên cho đến khi thi hành xong, hàng tháng ông Lê Hữu P và bà Trần Thị Mỹ T1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T về việc yêu cầu ông Lê Hữu P và bà Trần Thị Mỹ T1 bồi thường thiệt hại 821 cây cam bị đốn với số tiền là 143.675.000 đồng.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Lê Hữu P và bà Trần Thị Mỹ T1 về việc yêu cầu bà Phạm Thị T và ông Lê Văn U trả số vàng hụi và số tiền vay mượn còn nợ.

3.1. Buộc bà Phạm Thị T và ông Lê Văn U phải cùng có nghĩa vụ trả cho ông Lê Hữu P và bà Trần Thị Mỹ T1 số vàng hụi là 02 chỉ vàng 24K quy đổi ra thành tiền theo giá vàng tại thời điểm xét xử sơ thẩm là 10.980.000 đồng và số tiền vay mượn là 1.000.000 đồng, tổng cộng là 11.980.000 đồng (*Mười một triệu chín trăm tám mươi nghìn đồng*).

3.2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông Lê Hữu P và bà Trần Thị Mỹ T1 đối với số tiền phải trả nêu trên cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bà Phạm Thị T và ông Lê Văn U còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

4. Không chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Lê Hữu P và bà Trần Thị Mỹ T1 về việc yêu cầu bà Phạm Thị T và ông Lê Văn U trả số tiền hụi là 15.000.000 đồng, số tiền vay mượn là 2.000.000 đồng và số tiền mua 08 con heo giống là 5.700.000 đồng.

5. Đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu phản tố của ông Lê Hữu P và bà Trần Thị Mỹ T1 về việc yêu cầu bà Phạm Thị T và ông Lê Văn U trả số vàng vay mượn là 01 chỉ vàng 24K.

6. Án phí sơ thẩm:

6.1. Bà Phạm Thị T phải chịu án phí sơ thẩm với số tiền là 7.183.750 đồng (*Bảy triệu một trăm tám mươi ba nghìn bảy trăm năm mươi đồng*) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng mà bà Phạm Thị T đã nộp là 5.466.875 đồng (*Năm triệu bốn trăm sáu mươi sáu nghìn tám trăm bảy mươi lăm đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004870, ngày 14 tháng 11 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, bà Phạm Thị T còn phải nộp thêm số tiền là 1.716.875 đồng (*Một triệu bảy trăm mười sáu nghìn tám trăm bảy mươi lăm đồng*).

6.2. Bà Phạm Thị T và ông Lê Văn U phải cùng chịu án phí sơ thẩm với số tiền là 599.000 đồng (*Năm trăm chín mươi chín nghìn đồng*).

6.3. Ông Lê Hữu P và bà Trần Thị Mỹ T1 phải cùng chịu án phí sơ thẩm với số tiền là 4.635.000 đồng (*Bốn triệu sáu trăm ba mươi lăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng mà ông Lê Hữu P và bà Trần Thị Mỹ T1 đã nộp (do ông Trần Văn Tính nộp thay) là 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004938, ngày 08 tháng 12 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng. Như

vậy, ông Lê Hữu P và bà Trần Thị Mỹ T1 còn phải nộp thêm số tiền là 3.635.000 đồng (*Ba triệu sáu trăm ba mươi lăm nghìn đồng*).

7. Chi phí thẩm định tài sản: Bà Phạm Thị T phải chịu là 750.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng mà bà Phạm Thị T đã nộp là 750.000 đồng. Như vậy, bà Phạm Thị T đã thực hiện xong nghĩa vụ chịu chi phí này.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về thông báo quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 02/6/2023 nguyên đơn bà Phạm Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn U kháng cáo một phần bản án dân sự sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng buộc ông Lê Hữu P đền bù 821 cây cam mà ông P đã đốn của vợ chồng bà T, ông U, trị giá 143.675.000đ

Tại phiên tòa phúc bà Phạm Thị T vẫn giữ nguyên đơn khởi kiện và nội dung đơn kháng cáo; Bị đơn ông Lê Hữu P, bà Trần Thị Mỹ T1 vẫn giữ nguyên nội dung đơn phản tố. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Vị Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo, việc tuân theo và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Đồng thời, phát biểu quan điểm về nội dung kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến phát biểu và đề nghị của những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về chủ thể, nội dung, hình thức đơn kháng cáo và thời hạn kháng cáo của bị đơn là đúng theo quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự nên kháng cáo hợp lệ và đúng theo luật định.

[2] Nội dung vụ án: Ông Lê Văn U và ông Lê Hữu P là anh em ruột. Trước đây bà T và chồng là ông U có vay 850.000.000 đồng của Ngân hàng Thương mại cổ phần Hàng hải Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ. Do đến hạn vợ chồng bà T không có tiền trả nợ cho ngân hàng, nên anh của ông U là ông P và vợ là bà T đứng ra trả số nợ này cho vợ chồng bà T, chỉ trả tiền vốn 850.000.000 đồng còn tiền lãi thì được ngân hàng miễn. Ngày 19/3/2021, ông Lê Văn U có làm Biên bản sang đất vĩnh viễn cho ông Lê Hữu P toàn bộ diện tích các thửa đất số 123, 124 thuộc tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc tại Ấp Hậu B, xã Đại Hãi, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng. Sau khi ký giấy mua bán, vào ngày 19 và 20/6/2021 khi ông U đang đi làm ở Vĩnh Long thì ông P thuê người vào đốn 821 cây cam trên 02 thửa đất 123, 124 nêu trên. Ngày 01/7/2021 bà Phạm Thị T có làm đơn tố cáo ông P về

hành vi hủy hoại tài sản của bà T. Ngày 14/4/2022, Công an huyện Kế Sách ra thông báo không khởi tố vụ án hình sự về hành vi hủy hoại tài sản. Vợ chồng bà T khiếu nại đến Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách. Ngày 09/5/2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách ra quyết định giữ nguyên thông báo của Công an huyện Kế Sách. Vợ chồng bà T tiếp tục khiếu nại đến Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng. Ngày 30/6/2022, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng ra thông báo trả lời vợ chồng bà T là hết thời hạn khiếu nại theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do Công an và Viện kiểm sát không khởi tố vụ án hình sự nên bà T khởi kiện dân sự yêu cầu ông P phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho vợ chồng bà T. Tổng thiệt hại 821 cây cam mà ông P đốn trong vườn của bà T theo Kết luận định giá số: 48/KL ngày 28/7/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Kế Sách là 143.675.000 đồng. Tại bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng đã không chấp nhận yêu cầu này của bà T nên bà T kháng cáo.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bà T đối với số tiền bồi thường thiệt hại 821 cây cam bị đốn là 143.675.000 đồng: Yêu cầu này của bà T đã từng được xem xét, giải quyết tại hồ sơ giải quyết nguồn tin về tội phạm của Cơ quan điều tra. Kết quả trích lục hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xác định các thửa đất số 123, 124, tờ bản đồ số 04, tọa lạc Ấp Hậu B, xã Đại H, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng (nơi 821 cây cam được trồng) có nguồn gốc do cha mẹ ông U cho tặng riêng ông U và sau đó ông U được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên đây là tài sản riêng của ông U và ông U được toàn quyền quyết định việc chuyển nhượng đất cho người khác. Vào ngày 19/3/2021, ông U đã ký hợp đồng chuyển nhượng đất với hình thức biên bản sang đất để thỏa thuận chuyển nhượng các thửa đất này cho ông P; việc ông U ký hợp đồng này thì bà T biết và đồng thuận. Tuy hợp đồng này đã bị Tòa án hai cấp tỉnh Sóc Trăng tuyên bố vô hiệu, nhưng theo nhận định tại Bản số 142/2022/DS-ST ngày 29/9/2022 và Bản số 26/2023/DS-ST ngày 08/02/2023 thì hợp đồng là có thật, nguyên nhân dẫn đến hợp đồng vô hiệu là do các bên yêu cầu Tòa án tuyên bố vô hiệu và tại thời điểm chuyển nhượng các thửa đất số 123, 124 là đối tượng để đảm bảo thi hành án, chứ không phải xuất phát từ việc hợp đồng là giả tạo hoặc do các bên bị lừa dối, ép buộc…; đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Thực tế ông P và bà T đã giao 850.000.000 đồng cho bà T và ông U đem đi trả nợ Ngân hàng để lấy lại 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sau đó ông U về để ký hợp đồng chuyển nhượng đất, sang tên lại cho ông P. Số tiền này có giá trị lớn, bà T cũng thừa nhận đây không phải tiền ông P và bà T cho bà T và ông U vay mượn, nên việc ông P và bà T cho rằng để tránh việc bị cơ quan thi hành án cưỡng chế hết đất có nguồn gốc của cha mẹ để lại nên ông P và bà T đã bỏ ra số tiền này để ông P nhận chuyển nhượng đất từ ông U là hoàn toàn phù hợp. Theo lời khai tại Cơ quan điều tra, bà Lê Thị A (chị ruột), bà Lê Thị S (chị ruột) và ông Phạm Văn T2 (anh rể) của ông Lê Văn U xác nhận hợp đồng chuyển nhượng đất theo biên bản sang đất ngày 19/3/2021 là có thật và khi ký hợp đồng thì ông U có kêu ông P và bà T cắt cây bị hư trong vườn để cải tạo đất trồng lại cây mới. Tại phiên tòa phúc thẩm ông U khai giữa ông U với bà Ánh,

bà S, ông T2 không có mâu thuẫn hay xích mích gì trong cuộc sống, anh chị em rất thương nhau và ngày làm hợp đồng chuyển nhượng đất được lập tại nhà ông T2, có ông T2 chứng kiến.

[4] Từ cơ sở trên cho thấy lời trình bày của bà Ánh, bà S và ông T2 là khách quan và đúng sự thật, do vậy việc ông P, bà T vào đốn các cây cam trên phần đất mà ông P, bà T đã chuyển nhượng của ông U là được sự đồng ý của ông U . Cơ quan điều tra cũng xác định việc đốn cây của ông P và bà T là không có lỗi, nên đã ra quyết định không khởi tố án hình sự. Do vậy, việc ông P và bà T đốn 821 cây cam trên đất không phải hành vi tự ý và không có yếu tố lỗi, nên không làm phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo quy định tại các Điều 584, 589 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 2 Nghị quyết 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của bà T buộc ông P và bà T có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho bà T 821 cây cam bị đốn với số tiền là 143.675.000 đồng, là không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Lời đề nghị của vị Kiểm sát viên và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Thị T và ông Lê Văn U, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm được giữ nguyên nên người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 và khoản 6 Điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Phạm Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn U. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 56/2023/DS-ST ngày 23 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng. Như sau:

Căn cứ vào các khoản 3, 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 147, Điều 157, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 290, 298, 428, 438, 471, 474, 479 Bộ luật Dân sự năm 2005; các Điều 280, 288, 357, 430, 440, 463, 466, 468, 471, 584, 589, khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, các khoản 1, 4, 5 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; các Điều 29, 30 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của

Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường; các Điều 23, 24, 27 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường; khoản 3 Điều 2 Nghị quyết 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Dân sự về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T về việc yêu cầu ông Lê Hữu P và bà Trần Thị Mỹ T1 trả số tiền hụi còn nợ.

1.1. Buộc ông Lê Hữu P và bà Trần Thị Mỹ T1 phải cùng có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị T số tiền hụi là 70.000.000 đồng *(Bảy mươi triệu đồng)*.

1.2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Phạm Thị T đối với số tiền phải trả nêu trên cho đến khi thi hành xong, hàng tháng ông Lê Hữu P và bà Trần Thị Mỹ T1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T về việc yêu cầu ông Lê Hữu P và bà Trần Thị Mỹ T1 bồi thường thiệt hại 821 cây cam bị đốn với số tiền là 143.675.000 đồng.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Lê Hữu P và bà Trần Thị Mỹ T1 về việc yêu cầu bà Phạm Thị T và ông Lê Văn U trả số vàng hụi và số tiền vay mượn còn nợ.

3.1. Buộc bà Phạm Thị T và ông Lê Văn U phải cùng có nghĩa vụ trả cho ông Lê Hữu P và bà Trần Thị Mỹ T1 số vàng hụi là 02 chỉ vàng 24K quy đổi ra thành tiền theo giá vàng tại thời điểm xét xử sơ thẩm là 10.980.000 đồng và số tiền vay mượn là 1.000.000 đồng, tổng cộng là 11.980.000 đồng (*Mười một triệu chín trăm tám mươi nghìn đồng*).

3.2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông Lê Hữu P và bà Trần Thị Mỹ T1 đối với số tiền phải trả nêu trên cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bà Phạm Thị T và ông Lê Văn U còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

4. Không chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Lê Hữu P và bà Trần Thị Mỹ T1 về việc yêu cầu bà Phạm Thị T và ông Lê Văn U trả số tiền hụi là 15.000.000 đồng, số tiền vay mượn là 2.000.000 đồng và số tiền mua 08 con heo giống là 5.700.000 đồng.

5. Đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu phản tố của ông Lê Hữu P và bà Trần Thị Mỹ T1 về việc yêu cầu bà Phạm Thị T và ông Lê Văn U trả số vàng vay mượn là 01 chỉ vàng 24K.

6. Án phí sơ thẩm:

6.1. Bà Phạm Thị T phải chịu án phí sơ thẩm với số tiền là 7.183.750 đồng (*Bảy triệu một trăm tám mươi ba nghìn bảy trăm năm mươi đồng*) nhưng được

khấu trừ vào số tiền tạm ứng mà bà Phạm Thị T đã nộp là 5.466.875 đồng (*Năm triệu bốn trăm sáu mươi sáu nghìn tám trăm bảy mươi lăm đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004870, ngày 14 tháng 11 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, bà Phạm Thị T còn phải nộp thêm số tiền là 1.716.875 đồng (*Một triệu bảy trăm mười sáu nghìn tám trăm bảy mươi lăm đồng*).

6.2. Bà Phạm Thị T và ông Lê Văn U phải cùng chịu án phí sơ thẩm với số tiền là 599.000 đồng (*Năm trăm chín mươi chín nghìn đồng*).

6.3. Ông Lê Hữu P và bà Trần Thị Mỹ T1 phải cùng chịu án phí sơ thẩm với số tiền là 4.635.000 đồng (*Bốn triệu sáu trăm ba mươi lăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng mà ông Lê Hữu P và bà Trần Thị Mỹ T1 đã nộp (do ông Trần Văn Tính nộp thay) là 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004938, ngày 08 tháng 12 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, ông Lê Hữu P và bà Trần Thị Mỹ T1 còn phải nộp thêm số tiền là 3.635.000 đồng (*Ba triệu sáu trăm ba mươi lăm nghìn đồng*).

7. Chi phí thẩm định tài sản: Bà Phạm Thị T phải chịu là 750.000 đồng *(Bảy trăm năm mươi nghìn đồng)* nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng mà bà Phạm Thị T đã nộp là 750.000 đồng *(Bảy trăm năm mươi nghìn đồng)*. Như vậy, bà Phạm Thị T đã thực hiện xong nghĩa vụ chịu chi phí này.

8. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Phạm Thị T và ông Lê Văn U mỗi người phải chịu là 300.000 đồng *(ba trăm ngàn đồng)*, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm bà Phạm Thị T và ông Lê Văn U (do bà Phạm Thị T nộp thay) đã nộp theo các biên lai thu tiền số 0007209, 0007210 cùng ngày 02/6/2023 tại Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng. Bà Phạm Thị T và ông Lê Văn U đã nộp xong tiền án phí dân sự phúc thẩm.

9. Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

10. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải Thi hành án có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- TAND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện Kế Sách;
- Các đương sự;
- Tòa DS;
- Lưu HS-TGĐNCTN.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tăng Thị Thúy Nga